

Bản án số: 58/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28 – 6 - 2019
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con.

**NHA DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHA DA HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhA dA:

1. Bà Nguyễn Thị Thiều

2. Ông Nguyễn Văn Ninh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần XuA Son – Thư ký Tòa án nhA dA huyện Gò Dầu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhA dA huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại Tòa án nhA dA huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2019/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1995; địa chỉ: ấp B, xã G, huyện T, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Hoài A, sinh năm 1996; địa chỉ: ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án của chị L trình bày: chị và anh A tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2014, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn; sau khi cưới xong chị về sống bên nhà anh A để làm công nhA; trong quá trình sống chung đến đầu năm 2017 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau nên chị về sống chung với cha, mẹ ruột đến nay. Con chung có 01 người tên Nguyễn Gia Huy, sinh ngày 03-3-2014 hiện đang sống chung với chị. Nay yêu cầu ly hôn, con chung yêu cầu được tiếp tục nuôi không yêu cầu anh A cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh A, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập

hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng anh A vắng mặt không lý do nên không thể hiện yêu cầu.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhA dA huyện Gò Dầu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dA sự quy định. Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh A Tòa án triệu hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh A theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dA sự.

+ Về nội dung vụ án: Chị L và anh A tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014, quá trình sống chung thì phát sinh mâu thuẫn nên chị L làm đơn yêu cầu ly hôn. Do chị L và anh A chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhA và Gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh A.

+ Về con chung: cháu Nguyễn Gia Huy, sinh ngày 03-3-2014, hiện đang sống chung với chị L từ đầu năm 2017 cho đến nay. Xét thấy chị L có việc làm, thu nhập ổn định, đủ khả năng điều kiện nuôi con. Đề nghị Hội đồng xét xử giao con cho chị L tiếp tục nuôi là có căn cứ theo quy định tại Điều 15, 81, 82 Luật Hôn nhA và Gia đình năm 2014.

+ Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu đề nghị không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh A Tòa án triệu hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh A là có căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dA sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định. Chị L và anh A tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 2014 nhưng có không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhA và Gia đình; quá trình sống chung với nhau đến đầu năm 2017 phát sinh mâu thuẫn nên chị L làm đơn yêu cầu ly hôn. Theo khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhA và Gia đình năm 2014 quy định: “ *Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này*”. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa chị L và anh A là vợ chồng là có căn cứ theo khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhA và Gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3] Về con chung: cháu Nguyễn Gia Huy, sinh ngày 03-3-2014, hiện đang sống chung với chị L từ đầu năm 2017 cho đến nay. Xét thấy chị L có việc làm, thu nhập ổn định, đủ khả năng điều kiện nuôi con. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị giao con cho chị L tiếp tục nuôi là có căn cứ theo quy định tại Điều 15, 81, 82 Luật Hôn nhA và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp

nhận. Anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: chị L không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không giải quyết.

[6] Về án phí: chị Nguyễn Thị Hồng L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dA sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dA sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; Điều 81, 82 Luật Hôn nhA và Gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dA sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí.

1. Về quan hệ hôn nhA: tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị Hồng L và anh Phạm Hoài A là vợ chồng.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Gia Huy, sinh ngày 03-3-2014 cho chị Nguyễn Thị Hồng L tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu giải quyết. Anh Phạm Hoài A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng L phải chịu 300.000 đồng án phí dA sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí do chị L đã nộp 300.000 theo biên lai thu số 0009016 ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dA sự huyện Gò Dầu (Chị L đã nộp xong).

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Đ iều 2 Luật Thi hành án d A sự, thì người được thi hành án d A sự, người phải thi hành án dA sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy đị nh tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án d A sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dA sự.

6. Chị Nguyễn Thị Hồng L và anh Phạm Hoài A có quyền kháng cáo lên Tòa án nhA dA tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dA sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu: TAGD, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Tùng

